

Số: 376/2023/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 06 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên
và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao; Báo cáo thẩm tra số 453/BC-VHXH ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, Kỳ họp thứ Mười bốn nhất trí thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 252/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao của tỉnh./. *dg*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Vụ Pháp chế (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư Pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, CV^L.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Toàn
Trần Quốc Toàn

QUY ĐỊNH

**Chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên
và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 376/2023/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao đang tập luyện, huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao; các đội tuyển thể thao tỉnh, đội tuyển thể thao các huyện, thị xã, thành phố, ngành và cơ sở.

b) Vận động viên, huấn luyện viên thể thao làm nhiệm vụ tại các giải thể thao gồm: Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia từng môn hàng năm; giải thi đấu vô địch trẻ quốc gia, giải cúp quốc gia, giải vô địch các nhóm tuổi, giải thiếu niên nhi đồng, giải A1, hạng nhất, hạng nhì hàng năm từng môn thể thao; giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia tổ chức; giải thi đấu thể thao quần chúng, giải thể thao cho người khuyết tật cấp quốc gia; giải thi đấu vô địch từng môn thể thao cấp tỉnh; giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao cấp tỉnh tổ chức.

c) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và giải thể thao các cấp.

d) Trọng tài, giám sát, thư ký điều hành các trận đấu; công an, y tế, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan tại các điểm tổ chức thi đấu.

Điều 2. Chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh

1. Nội dung chi và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

a) Mức chi đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu các giải thể thao khu vực, toàn quốc; vận động viên khuyết tật thuộc địa phương quản lý khi được cấp có thẩm quyền triệu tập tập huấn và thi đấu

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi trong thời gian tập trung tập huấn	Mức chi trong thời gian tập trung thi đấu
1	Đội tuyển tỉnh	đồng/người/ngày	240.000	320.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	đồng/người/ngày	200.000	240.000
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	đồng/người/ngày	130.000	220.000
4	Đội tuyển cấp huyện	đồng/người/ngày	130.000	220.000
5	Đội tuyển năng khiếu cấp huyện	đồng/người/ngày	130.000	220.000

Vận động viên, huấn luyện viên tham gia giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển của ngành Giáo dục và Đào tạo tham gia tập huấn và thi đấu các giải vô địch và Hội khoẻ Phù Đổng toàn quốc được hưởng chế độ như đội tuyển trẻ cấp tỉnh.

Trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu các giải thể thao khu vực và toàn quốc, vận động viên, huấn luyện viên được hưởng mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng theo quy định của điều lệ tổ chức giải thi không được hưởng mức ăn hằng ngày.

b) Đối với vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao trong thời gian tập luyện, huấn luyện và vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh

Vận động viên, huấn luyện viên Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh hưởng chế độ dinh dưỡng (trừ ngày lễ, ngày tết):

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Vận động viên được phong cấp kiện tướng, cấp I; Vận động viên đội Bóng chuyên hạng A1, đội mạnh	đồng/người/ngày	175.000
2	Vận động viên không có đẳng cấp	đồng/người/ngày	130.000
3	Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện	đồng/người/ngày	150.000

Vận động viên, huấn luyện viên các lớp năng khiếu thể thao nghiệp dư nâng cao của tỉnh, thời gian hưởng tối đa không quá 03 ngày/tuần:

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Vận động viên	đồng/người/ngày	50.000
2	Huấn luyện viên	đồng/người/ngày	100.000

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ, ưu đãi đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích cao khi thi đấu tại các giải thể thao quốc gia, khu vực, quốc tế

a) Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia

Vận động viên kiện tướng: 2,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

Vận động viên dự bị kiện tướng và cấp I: 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Vận động viên đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, phá kỷ lục quốc gia, đạt huy chương vàng Đại hội thể dục thể thao Đông Nam Á (Seagames), vô địch Đông Nam Á trở lên: Hỗ trợ 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng trong 12 tháng kể từ sau khi có quyết định hoặc giấy chứng nhận thành tích.

c) Hỗ trợ sinh hoạt phí dành cho vận động viên được Tổng cục Thể dục thể thao triệu tập tập trung, tập huấn đội dự tuyển quốc gia, tuyển trẻ quốc gia; vận động viên có nhiều cống hiến thành tích thể thao cho tỉnh trong thời gian vừa tham gia tập luyện, thi đấu vừa tham gia học tập tích lũy hệ đại học chuyên ngành thể dục thể thao: 50.000 đồng/người/ngày (trừ ngày nghỉ lễ, tết và chủ nhật).

d) Chế độ thưởng đối với đội bóng đá chuyên nghiệp

Thưởng cho mỗi trận thắng khi thi đấu tại giải hạng nhất quốc gia, giải vô địch quốc gia (V.League): 50.000.000 đồng/trận.

Thưởng khi đạt thăng hạng thi đấu vô địch quốc gia (V.League) là 500.000.000 đồng.

đ) Chế độ thưởng đối với đội bóng đá nhi đồng của tỉnh tham dự thi đấu vòng chung kết toàn quốc; đội bóng chuyên nữ đội mạnh của tỉnh tham dự giải quốc gia

Thưởng cho mỗi trận thắng trước vòng Bán kết: 50.000.000 đồng/trận.

Thưởng cho trận thắng vòng Bán kết: 100.000.000 đồng/trận.

Thưởng khi giành giải Vô địch: 300.000.000 đồng.

e) Thưởng cho vận động viên của tỉnh giành huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng tại các giải thi đấu quốc tế (Thế giới, Châu Á, Đông Nam Á), ngoài các chế độ thưởng của Trung ương, được tỉnh thưởng thêm bằng 30% mức thưởng của Trung ương.

Điều 3. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh

1. Tại Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, giải thể thao cấp tỉnh, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh

a) Tiền ăn của Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải trong quá trình tổ chức giải (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 150.000 đồng/người/ngày.



b) Tiền làm nhiệm vụ

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, Trưởng, phó các tiểu ban	đồng/người/ngày	95.000
2	Thành viên tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	70.000
3	Giám sát, trọng tài chính	đồng/người/buổi	70.000
4	Thư ký, trọng tài khác	đồng/người/buổi	60.000
5	Công an, y tế; lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ, nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	50.000

Trường hợp tiền làm nhiệm vụ được tính theo buổi thi đấu hoặc trận thi đấu thì mức thanh toán được tính theo thực tế nhưng không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao của tỉnh thì không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

c) Tổ chức đồng diễn, diễu hành đối với Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh

Mức chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn: căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp tỉnh, Hội khoẻ Phù Đổng cấp tỉnh với các cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật.

Bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ:

TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	đồng/người/buổi	35.000
2	Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	đồng/người/buổi	45.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	đồng/người/buổi	80.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	đồng/người/buổi	70.000

2. Tại Đại hội Thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức

Mức chi đối với đại hội thể dục thể thao, giải thể thao do cấp huyện, ngành và cơ sở tổ chức tùy theo điều kiện kinh phí của cấp huyện, ngành và cơ sở nhưng không vượt quá 75% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp huyện, ngành và không vượt quá 50% chế độ quy định của cấp tỉnh đối với cấp cơ sở.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Việc sử dụng kinh phí thực hiện các chế độ quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Các nội dung liên quan đến chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành./.

